6. Use case Quản lý nội dung tin nhắn

|  |  |
| --- | --- |
| Tên | Quản lý nội dụng tin nhắn |
| Mô tả | Chức năng cho phép người dùng thực hiện Chat nhóm hoặc Chat 1-1 |
| Actor | Người dùng |
| Điều kiện trước | Truy cập thành công vào hệ thống |
| Điều kiện sau | Người dùng có thể chat với bạn bè hoặc chat nhóm |

|  |  |
| --- | --- |
| Luồng sự kiện chính : | |
| Actor | Hệ thống |
| 1. Người dùng ấn vào “Chat 1-1” hoặc “Chat nhóm” |  |
|  | 2. Hiển thị giao diện chọn bàn bè để chat hoặc tạo nhóm |
| Luồng sự kiện phụ: | |

6.1 Use case Chat 1-1

|  |  |
| --- | --- |
| Tên | Chat 1-1 |
| Mô tả | Chức năng cho phép người dùng thực hiện Chat 1-1 |
| Actor | Người dùng |
| Điều kiện trước | Truy cập thành công vào hệ thống |
| Điều kiện sau | Nội dung tin nhắn qua được với bạn bè của người dùng |

|  |  |
| --- | --- |
| Luồng sự kiện chính : | |
| Actor | Hệ thống |
| 1. Người dùng ấn vào “Chat 1-1 |  |
| 2. Người dùng chọn bạn bè để chat |  |
|  | 3. Hiển thị giao diện chat 1-1 |
| 4. Người dùng nhập tin nhắn |  |
| 5. Người dùng ân nút “Gửi” |  |
|  | 6. Chuyển nội dung tin nhắn qua cho người bạn và lưu nội dung vào database |
| Luồng sự kiện phụ: | |
|  | 6.1 Nội dung tin nhắn bị lỗi hiển thị thông báo cho người dùng và quay lại bước 3 |

6.1.1 Use Quản lý nội dung đính kèm

|  |  |
| --- | --- |
| Tên | Quản lý nội dung đính kèm |
| Mô tả | Chức năng cho phép người dùng đính kèm các file tài liệu, Emoji, Hình ảnh |
| Actor | Người dùng |
| Điều kiện trước | Truy cập thành công vào hệ thống |
| Điều kiện sau | Nội dung đính kèm qua được với bạn bè của người dùng |

|  |  |
| --- | --- |
| Luồng sự kiện chính : | |
| Actor | Hệ thống |
| 1. Người dùng ấn vào đính kèm File tài liệu, Emoji, Hình ảnh vào nội dung tin nhắn |  |
| 2. Người dùng chọn nội dung mình muốn gửi cho bạn bè và ân nút “Gửi” |  |
|  | 4. Chuyển nội dung tin nhắn qua cho người bạn và lưu nội dung vào database |
| Luồng sự kiện phụ: | |
|  | 4.1 Nội dung tin nhắn bị lỗi hiển thị thông báo cho người dùng |

